

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### MỞ RỘNG VỐN TỪ : TRẬT TỰ – AN NINH

#### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ về *trật tự, an ninh*.

#### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- *Từ điển tiếng Việt, Sổ tay từ ngữ tiếng Việt tiểu học* (nếu có).
- Một vài tờ phiếu kẻ bảng nội dung BT2 ; một tờ phiếu kẻ bảng nội dung BT3 (xem mẫu phiếu ở phần lời giải).

#### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

##### A – KIỂM TRA BÀI CŨ

HS làm lại các BT2, 3 (phần Luyện tập) của tiết LTVC trước.

##### B – DẠY BÀI MỚI

###### **1. Giới thiệu bài**

Trong tiết LTVC (*MRVT : Vì cuộc sống thanh bình*) các em sẽ được hệ thống hoá và làm giàu vốn từ về *trật tự, an ninh*.

###### **2. Hướng dẫn HS làm bài tập**

###### *Bài tập 1*

- Một HS đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp theo dõi trong SGK.
- GV lưu ý các em đọc kĩ để tìm đúng nghĩa của từ *trật tự*.
- HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi cùng bạn ; phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét, loại bỏ đáp án (a) và (b) ; phân tích đáp áp (c) là đúng (*Trật tự* là tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỷ luật).

Nếu có HS chọn đáp án (a), GV giải thích : *Trạng thái bình yên, không có chiến tranh không phải là nghĩa của từ trật tự mà là nghĩa của từ hoà bình.*

Nếu có HS chọn đáp án (b), GV giải thích : *Trạng thái yên ổn, bình lặng, không ồn ào ; không có điều gì xáo trộn cũng không phải là nghĩa của từ trật tự mà là nghĩa của từ bình yên, bình lặng.*

### Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV dán lên bảng 1 tờ phiếu khổ to, yêu cầu HS tìm các từ ngữ theo các hàng : Lực lượng bảo vệ trật tự, an toàn giao thông. / Hiện tượng trái ngược với trật tự, an toàn giao thông. / Nguyên nhân gây tai nạn giao thông.

– HS trao đổi cùng bạn bên cạnh, làm bài vào VBT hoặc làm bài theo nhóm nhỏ, GV phát phiếu khổ to cho các nhóm.

– Đại diện nhóm dán bài lên bảng lớp, trình bày. Cả lớp và GV nhận xét, loại bỏ những từ ngữ không thích hợp. GV giữ lại tờ phiếu có lời giải đúng, bổ sung những từ ngữ HS bỏ sót.

– Một, hai HS đọc lại lời giải đúng :

Lực lượng bảo vệ trật tự, an toàn giao thông.	cảnh sát giao thông
Hiện tượng trái ngược với trật tự, an toàn giao thông.	tai nạn, tai nạn giao thông, va chạm giao thông
Nguyên nhân gây tai nạn giao thông.	vi phạm quy định về tốc độ, thiết bị kém an toàn, lấn chiếm lòng đường và vỉa hè

### Bài tập 3

– Một HS đọc yêu cầu của BT (Lưu ý HS đọc cả mẫu chuyện vui *Lí do*). HS theo dõi trong SGK.

– GV lưu ý HS đọc kĩ, phát hiện tinh để nhận ra các từ ngữ chỉ người, sự việc liên quan đến nội dung *bảo vệ trật tự, an ninh*. GV dán tờ phiếu lên bảng.

– HS đọc thầm lại mẫu chuyện vui, tự làm bài hoặc trao đổi cùng bạn.

– HS phát biểu ý kiến. GV viết nhanh vào phiếu những từ ngữ HS tìm được. Mời 1 HS lên bảng sửa bài : loại bỏ những từ ngữ không thích hợp hoặc bổ sung những từ ngữ còn bỏ sót. GV nhận xét, kết luận lời giải đúng :

- |  |   |
|--|---|
| + Những từ ngữ chỉ người liên quan đến trật tự, an ninh.                         | + cảnh sát, trọng tài, bọn càn quét, bọn hu-li-gân. |
| + Những từ ngữ chỉ sự việc, hiện tượng, hoạt động liên quan đến trật tự, an ninh | + giữ trật tự, bắt, quật phá, hành hung, bị thương. |

### 3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS nhớ những từ ngữ mới các em vừa được cung cấp ; sử dụng từ điển ; giải nghĩa 3 – 4 từ tìm được ở BT3.